

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ TƯ VẤN Q&T**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ TƯ VẤN Q&T

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Q&T CONSTRUCTION AND CONSULTING LIMITED COMPANY

Tên công ty viết tắt: QTCAC CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107387409

**3. Ngày thành lập:** 06/04/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 18, ngách 49/3, đường Hoàng Đạo Thành, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0432252641

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5210        |
| 2.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>chi tiết:<br>Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>Bán buôn xi măng<br>Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>Bán buôn kính xây dựng<br>Bán buôn sơn, vécni<br>Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>Bán buôn đồ ngũ kim                                                                                                                                                                          | 4663        |
| 3.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>chi tiết:<br>Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752        |
| 4.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4759        |
| 5.  | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3314        |
| 6.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4100(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 7.  | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4220 |
| 8.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>chi tiết:<br>- Xây dựng công trình công nghiệp<br>- Xây dựng công trình cửa như:<br>+ Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống...<br>+ Đập và đê.<br>- Xây dựng đường hầm;                                                                 | 4290 |
| 9.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4311 |
| 10. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4321 |
| 11. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                              | 4322 |
| 12. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng | 4329 |
| 13. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4330 |
| 14. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>chi tiết: Đại lý                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4610 |
| 15. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4649 |
| 16. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8230 |
| 17. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                  | 8299 |
| 18. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>chi tiết: Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng.                                                                                                                                                                                             | 6619 |
| 19. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7020 |
| 20. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7710 |
| 21. | Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác<br>chi tiết:<br>- Dịch vụ vệ sinh chuyên nghiệp cho khu nhà<br>- Vệ sinh bể bơi hoặc bảo dưỡng;<br>- Vệ sinh máy móc công nghiệp;<br>- Vệ sinh tàu hỏa, xe buýt máy bay...;<br>- Vệ sinh đường xá;<br>- Dịch vụ tẩy uế và diệt trùng;                                                 | 8129 |

|     |                                                                                                                                                                                |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 22. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan<br>( Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật). | 8130 |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN MINH QUANG

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 27/11/1980

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 011907656

Ngày cấp: 07/09/2011

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: D3, P203 đường Kim Giang, Phường Kim Giang,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: D3, P203 đường Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN MINH QUANG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 27/11/1980

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 011907656

Ngày cấp: 07/09/2011

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: D3, P203 đường Kim Giang, Phường Kim Giang,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: D3, P203 đường Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội